TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-PT
Ngày: 11/01/2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các thẩm phán: Bà **Mai Vương Thảo**

Bà **Trần Thị Thanh Mai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Vỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Chung** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2023/TLPT-DS ngày 07/11/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý"*.

Do Bản án dân sự số 50/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 262/2023/QĐPT-DS ngày 06/12/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 274/2023/QĐ-TA ngày 22/12/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian xet xử phiên tòa dân sự phúc thẩm số 04/TB-TA ngày 03/01/2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*: Công ty Luật hợp danh F**; Địa chỉ: Số 286/26 đường H, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn C** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hải N**; Địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Hữu T, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

***- Bị đơn*:**

+ Ông **Trương Công B**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 11 đường Đ, tổ 26, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông **Trương Công Đ**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Tổ 27, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Trương Thị B**, sinh năm: 1959; Địa chỉ: K5/9 đường N, tổ 33, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Võ Văn B**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ 20, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, *(theo Giấy ủy quyền ngày 07/8/2023 được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hạnh công chứng số 3475, quyển số 01)*. Có mặt.

+ *Người kháng cáo*: Bị đơn ông **Trương Công B**, ông **Trương Công Đ**, bà **Trương Thị B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải N trình bày:*

Ngày 01/01/2017, Công ty Luật hợp danh F (sau đây gọi tắt là Công ty Luật F) đã ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HD/FDVN với bị đơn ông Trương Công B (đại diện cho ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B) để thực hiện dịch vụ tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các ông, bà trong vụ việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 791m^2 mà cụ bà Nguyễn Thị Lự là chủ sở hữu hợp pháp đã đăng ký đất đai theo Chỉ thị số 299/TTg tại thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho các thừa kế hợp pháp của cụ Lự.

Các dịch vụ pháp lý Công ty Luật F đã thực hiện, gồm:

- Tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, soạn thảo văn bản cho ông Bốn, ông Đê, bà Ba trong suốt quá trình giải quyết vụ án;

- Đại diện các ông, bà tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, ông Đ, bà B;

- Đại diện cho các ông, bà tham gia làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tòa án và các cơ quan nhà nước liên quan khác để thu thập tài liệu, chứng cứ, thông tin nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, ông Đ và bà B;

Thực hiện hợp đồng, Công ty Luật F đã tiến hành các hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, ông Đ và bà B tại tất cả các cơ quan Nhà nước, Tòa án có thẩm quyền; đã đứng ra thay mặt ông Bốn, ông Đê và bà Ba thanh toán toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí, chi phí tố tụng, lệ phí và toàn bộ các chi phí phát sinh khác tại các cơ quan Nhà nước với số tiền là 79.709.487đồng để giải quyết vụ việc, cũng như Công ty Luật F đã thực hiện công việc để đạt được kết quả theo Bản án sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà

Nẵng và Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Bản án dân sự phúc thẩm số 207/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 và Quyết định số 91/QĐ-SCBSBA ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng đã tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của ông Trương Công B đối với ông Trương Công Hai.

- Chia di sản còn lại của cụ Nguyễn Thị Lự theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất tại thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cho ông Trương Công Hai, bà Trương Thị B, ông Trương Công B và ông Trương Công Đ.

- Xác định di sản còn lại của cụ Nguyễn Thị Lự là quyền sử dụng đất 539.63m^2 đất trong đó có 280m^2 đất ở và diện tích trồng cây hằng năm khác là 259.63m^2 tại thửa đất số 792, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Chia di sản còn lại của cụ Nguyễn Thị Lự cho ông Trương Công B, ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B quyền sử dụng chung diện tích 301m^2 đất, trong đó có 201m^2 đất ở và 91m^2 đất trồng cây hằng năm khác, tại thửa số 792, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Luật F đã cử đại diện liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tự bỏ chi phí thuế, lệ phí đo đạc, trích đo, chi phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 767.000 đồng để tiến hành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/01/2023, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 373927, số vào sổ cấp GCN 252667 cho ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B cùng đồng chủ sở hữu thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101, diện tích 282.2m^2 trong đó có 202.5m^2 đất ở và 79.7m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (diện tích đất được cấp ít hơn Bản án là vì để lại một phần đất để mở rộng đường).

Theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐ-FDVN ngày 01/01/2017 và Phụ lục số 01 ngày 09/07/2021, Công ty Luật FDVN sẽ nhận được phí dịch vụ là 1/3 tổng giá trị tài sản là di sản thừa kế mà ông Bốn, ông Đê và bà Ba được chia theo bản án/quyết định của Tòa án. Thời gian thanh toán được thực hiện ngay sau khi được Tòa án cấp có thẩm quyền tuyên hoặc quyết định cho hưởng thừa kế. Giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán phí dịch vụ.

Phụ lục số 01 ngày 09/07/2021 nêu rõ, trong trường hợp nếu Công ty Luật F yêu cầu thì ông B, ông Đ và bà B phải tiến hành các thủ tục để ghi nhận quyền sở

hữu chung thửa đất của người do Công ty Luật F chỉ định và Công ty Luật F được quyền tiến hành các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó ghi nhận người sử dụng đất bao gồm: Người do Công ty Luật F chỉ định và các ông bà với phần quyền (lý do của việc này là trường hợp bà Ba, ông Bốn, ông Đê không trả tiền dịch vụ pháp lý):

- Người do Công ty Luật F chỉ định sở hữu, sử dụng hợp pháp 1/3 quyền sử dụng đất;

- Ông B, ông Đ và bà B cùng được quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp 2/3 quyền sử dụng đất còn lại.

Như vậy, Công ty Luật F đã hoàn thành mọi dịch vụ pháp lý bao gồm cả hỗ trợ dịch vụ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án và đã đến hạn, thanh toán phí dịch vụ, nhưng ông B, ông Đ, bà B không thực hiện nghĩa vụ của mình như Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐ-FDVN ngày 01/01/2017 và Phụ lục số 01 ngày 09/07/2021. Hiện nay, ông B, ông Đ và bà B đang có dấu hiệu trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, Công ty Luật F khởi kiện ông B, ông Đ và bà B.

- Tại đơn khởi kiện Công ty Luật F đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận Công ty Luật F là đồng chủ sở hữu quyền sử dụng 282.2m^2 đất tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 373927 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2023 đứng tên ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B có địa chỉ tại thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang. Đồng thời, Công ty Luật F được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước để được đăng ký đứng tên đồng chủ sở hữu. Xác định giá trị tài sản tạm tính để giải quyết vụ án là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất với số tiền theo Bản án phúc thẩm số 207/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Tại phiên tòa, Công ty Luật F xin điều chỉnh yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Tòa án buộc ông B, ông Đ và bà B phải trả 1/3 phí dịch vụ/tổng giá trị tài sản là di sản thừa kế mà ông B, ông Đ và bà Ba được chia theo bản án/quyết định của Tòa án là quyền sử dụng 282.2m^2 đất tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101. Giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán phí dịch vụ chủ sở hữu quyền sử dụng.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm. Về chi phí tố tụng và án phí: Bên thua kiện phải chịu

** Ông Võ Văn B là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B trình bày như sau:*

Bị đơn ghi nhận công sức, thời gian và tiền mà Công ty Luật F đã đứng ra để hỗ trợ pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Công B, ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B là rất lớn và thời gian thực hiện vụ kiện cũng đã

rất lâu. Công ty Luật F đã đứng ra nộp tất cả loại lệ phí, chi phí tố tụng và án phí để bị đơn có được kết quả như hôm nay. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế nên bị đơn không có tiền để trả cho Công ty Luật F được nên đại diện bị đơn đưa ra phương án để giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn xác định diện tích đất 282.2m^2 tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 373927 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2023 đứng tên ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B tại địa chỉ thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang có giá 2.400.000.000đồng.

Đề nghị nguyên đơn nhận chuyển quyền sử dụng 282.2m^2 đất và thối trả lại cho ông B, ông Đ, bà B số tiền 1.600.000.000đồng. Trường hợp nguyên đơn không nhận chuyển nhượng đất thì các bên phối hợp tìm khách hàng để chuyển nhượng thửa đất. Nếu bị đơn chuyển nhượng đất được thì bị đơn giao lại cho nguyên đơn số tiền 800.000.000đồng. Nếu bị đơn lấy đất thì đồng ý thối trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000đồng, nhưng thời gian bị đơn trả tiền cho nguyên đơn là 02 (hai) năm kể từ ngày hôm nay.

Bị đơn không đồng ý kết quả thẩm định giá theo chứng thư, kết quả này là cao so với giá trị thị trường nhưng bị đơn không đề nghị thẩm định giá lại tài sản tranh chấp. Tại phiên tòa bị đơn đề nghị định giá lại tài sản.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn thống nhất và không có ý kiến gì thêm. Về chi phí tố tụng và án phí: Bên thua kiện phải chịu.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 50/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 50/2023/QĐ-SCBSBA ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định*:

Căn cứ vào: các Điều 54, 55, khoản 1 Điều 56 Luật Luật sư; các Điều 351, 513, 519 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật hợp danh F đối với bị đơn ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B phải trả chung số tiền dịch vụ pháp lý 1.272.462.000đồng cho Công ty Luật hợp danh F.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của

các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B phải chịu chung số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 50.173.860đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty Luật hợp danh F số tiền tạm ứng áp phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009133 và 6.668.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009134 cùng ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B cùng trả lại cho Công ty Luật hợp danh F tiền xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đồng và tiền thẩm định giá tài sản là 20.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2023 bị đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng do bản án không khách quan, không đúng thực tế, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo của bị đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau*:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B về phần nội dung quyết định của Bản án dân sự số 50/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã tuyên buộc ông B, ông Đ và bà B phải trả cho Công ty Luật F số tiền dịch vụ pháp lý là 1.272.462.000đồng; Sửa Bản án dân sự về phần án phí dân sự sơ thẩm do ông Đ, bà B được miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 01/01/2017, ông Trương Công B có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐ/FDVN và ngày 09/7/2021 có ký Phụ lục hợp đồng số 01 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01) với Công ty Luật F. Theo hợp đồng chỉ mình ông Bốn ký nhưng đại diện của Công ty Luật F xác định việc ông B ký hợp đồng đã

được sự đồng ý và thống nhất của ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B. Đại diện theo ủy quyền của ông B, ông Đ và bà B cũng xác nhận Công ty Luật F đại diện cho cả ông B, ông Đ và bà B trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ pháp lý mà ông B đứng ra đại diện ký với Công ty Luật F; Công ty Luật F đã tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, soạn thảo văn bản, cử người làm đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, ông Đ và bà B trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Công ty Luật F trực tiếp nộp các khoản tiền tạm ứng án phí, án phí, chi phí tố tụng và các loại lệ phí để Tòa án các cấp tiến hành xét xử và ông B, ông Đ và bà B được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết tại Bản án dân sự số 207/2020/DS-PT ngày 28/9/2020 đã quyết định phân chia 301m^2 đất (trong đó 210m^2 đất ở và 91m^2 đất trồng cây hằng năm khác) tại thửa số 792, tờ bản đồ số 18 địa chỉ thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Công ty Luật F đã nộp các loại lệ phí để Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 373927 ngày 11/01/2023 với diện tích đất 282.2m^2 (diện tích đất ít hơn so với bản án là do hiến đất để mở rộng đường) tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101 đứng tên ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B. Tổng toàn bộ chi phí Công ty Luật F đã nộp thay ông B, ông Đ và bà B là 80.476.487đồng. Điều này phù hợp với Giấy ủy quyền số 052/2019 ngày 15/02/2019 tại Văn phòng Công chứng Thăng Bình ký giữa ông Trương Công B với bà Trần Thị Hậu và Hợp đồng ủy quyền số 01117 ngày 02/6/2021 tại Văn phòng Công chứng Thăng Bình ký giữa ông Trương Công B, ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B với bà Nguyễn Thị Hải N và bà Hà Thị Hiền đều là nhân viên của Công ty Luật F. Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐ/FDVN ngày 01/01/2017, kèm Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 09/7/2021 thể hiện ý chí của ông B, ông Đ và bà B ký thuê Công ty Luật F thực hiện dịch vụ pháp lý. Do ông B, ông Đ và bà B chưa thanh toán tiền dịch vụ pháp lý theo hợp đồng nêu trên nên Công ty Luật F khởi kiện ông B, ông Đ và bà B thanh toán tiền dịch vụ pháp lý là có cơ sở.

Theo khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/HĐ/FDVN ngày 01/01/2017 và khoản 2 Điều 2 của Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 09/7/2021 các bên thỏa thuận: Phí dịch vụ được thanh toán tương ứng với 1/3 tổng giá trị tài là di sản thừa kế mà ông B, ông Đ và bà B được chia theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán phí dịch vụ pháp lý. Quá trình giải quyết vụ án đại diện ông B, ông Đ và bà B thừa nhận công sức đóng góp thực hiện dịch vụ pháp lý và các loại chi phí tố tụng, tiền án phí, tạm ứng án phí và lệ phí mà Công ty Luật F đã làm và chi thay cho ông B, ông Đ và bà B để các ông, bà được chia với diện tích 301m^2 đất tại thửa số 792, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/12/2023, đại diện của ông B, ông Đ và bà B xác định giá trị quyền sử dụng 282.2m^2 đất tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101 là có giá trị là 2.400.000.000đồng và đưa ra phương án giải quyết chia đều thành ba phần: Ông B, ông Đ và bà B sẽ nhận

1.600.000.000đồng, còn Công ty Luật F nhận 800.000.000đồng. Như vậy, có căn cứ xác định ông B, ông Đ và bà B đồng ý với phí dịch vụ pháp lý là 1/3 giá thị trường đối với quyền sử dụng 282.2m^2 đất tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 101. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Luật sư và Điều 513 Bộ luật dân sự quy định thì việc thỏa thuận của Công ty Luật F với ông B, ông Đ và bà B là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày 22/12/2023, các đương sự đề nghị tạm ngừng phiên tòa để cho ông Bốn, ông Đê và bà Ba thỏa thuận trả cho Công ty Luật F số tiền 800.000.000đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm có Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 274/2023/QĐPT-DS ngày 22/12/2023 để cho các bên đương sự thỏa thuận nhưng vẫn không thỏa thuận được. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty Luật F đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả chứng thư thẩm định giá tài sản ngày 31/7/2023 của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính BTC Miền Trung để giải quyết vụ án.

Theo kết quả thẩm định giá tài sản ngày 31/7/2023 thì quyền sử dụng đối với 282.2m^2 đất trên có giá trị là 3.817.386.072đồng nên 1/3 giá trị quyền sử dụng 282.2m^2 đất có giá trị là 1.272.462.000đồng. Căn cứ các Điều 54, 55 Luật Luật sư; các Điều 351, 519 Bộ luật dân sự thì Công ty Luật F yêu cầu ông B, ông Đ và bà B phải thanh toán số tiền 1.272.462.000đồng là có cơ sở được Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông B, ông Đ và bà B không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, ông Đ và bà B để sửa về phần nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông B, ông Đ và bà B phải trả cho Công ty Luật F số tiền dịch vụ pháp lý là 1.272.462.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B phải chịu 50.173.860đồng. Chia phần mỗi người phải chịu là 16.724.620đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự cho ông Đ, bà B do các ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ, bà B được miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ, bà B.

- Công ty Luật F không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng tại Biên lai thu số 0009133 và 6.668.000đồng tại Biên lai thu số 0009134 cùng ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trương Công B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000486 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 20.000.000đồng do Công ty Luật F đã nộp và đã chi nên buộc ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B phải trả lại cho Công ty Luật F.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 55, khoản 1 Điều 56 Luật Luật sư; các Điều 351, 513, 519 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B;

Sửa một phần Bản án dân sự số 50/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về phần án phí dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật hợp danh F đối với bị đơn ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*".

- Buộc ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B phải trả cho Công ty Luật hợp danh F số tiền dịch vụ pháp lý là 1.272.462.000đồng (một tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm sáu hai ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Công B phải chịu là 16.724.620đồng (mười sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

- Ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Hoàn trả lại cho Công ty Luật hợp danh F số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0009133 và 6.668.000đồng (sáu triệu, sáu trăm sáu tám nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0009134 cùng ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trương Công B phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000486 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trương Công Đ, bà Trương Thị B được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Công B, ông Trương Công Đ và bà Trương Thị B cùng trả lại cho Công ty Luật hợp danh F số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng (ba triệu đồng) và tiền thẩm định giá tài sản là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2023/DS-PT
Ngày: 15/12/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLPT-DS ngày 05/10/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172a/2023/QĐPT-DS ngày 15/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số …/2023/QĐ-PT ngày 31/10/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị Ba**, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Tổ 12 Quang Thành, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà **Sầu Phương Anh**; Địa chỉ: K574/11 đường Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2022). Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà **Trần Huỳnh Thy Diễm,** sinh năm: 1989; Địa chỉ: Căn hộ 905, Tầng 9, số 38 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà **Nguyễn Thị Hồng,** sinh năm: 1995; Địa chỉ: K436/8 đường Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2023). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Huỳnh Thị Đã;** Địa chỉ: Căn hộ 905, Tầng 9, số 38 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. *Người làm chứng*: Ông **Sầu Ngọc Hùng**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 25 Quang Thành, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. *Người kháng cáo*: Bị đơn bà **Trần Huỳnh Thy Diễm.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Huỳnh Thị Ba trình bày:*

Bà Trần Huỳnh Thy Diễm gọi bà Huỳnh Thị Ba bằng dì, bà Diễm muốn vay tiền của bà Ba để kinh doanh và hẹn sẽ trả lại sau 03 tháng kể từ ngày mượn tiền. Vào ngày 18 và ngày 22/4/2022, bà Ba có cho bà Diễm mượn tổng số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 18 và ngày 22/4/2022, người viết giấy mượn tiền là bà Huỳnh Thị Đã (là mẹ của bà Diễm và là em của bà Ba). Tuy nhiên, sau 03 tháng thì bà Diễm không trả tiền, mặc dù bà Ba đã nhiều lần đôn đốc về vấn đề trả nợ nhưng bà Diễm vẫn hứa hẹn và không chịu trả. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà Ba yêu cầu Tòa án buộc bà Diễm phải trả lại số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh được căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để làm căn cứ xác định thì lãi suất được áp dụng bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tức là mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày nộp Đơn khởi kiện cho đến khi có Quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Trần Huỳnh Thy Diễm tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà Diễm đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kết quả xác minh tại địa phương, bà Trần Huỳnh Thy Diễm còn sinh sống tại địa chỉ căn hộ 905 - Tầng 9, số 38 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 35/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định*:

Căn cứ vào các Điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ba đối với bà Trần Huỳnh Thy Diễm.

Xử: Buộc bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ba tổng số tiền tính từ ngày khởi kiện đến ngày 28/4/2023 là 731.305.549 đồng; trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, tiền lãi là 31.305.549 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là: 32.252.000 đồng, bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải chịu.

+ Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Ba số tiền 16.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006934 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 02/6/2023 bà Trần Huỳnh Thy Diễm kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết hủy bản án sơ thẩm; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ba về việc buộc bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ba số tiền 731.305.546 đồng.

* Tại Quyết định chấp nhận về việc kháng cáo quá hạn số 06/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Trần Huỳnh Thy Diễm đố với Bản án dân sự số 35/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Huỳnh Thy Diễm. Giữ nguyên bản án dân sự số 35/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1| Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đã; người làm chứng ông Sầu Ngọc Hùng được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Huỳnh Thy Diễm đối với bà Huỳnh Thị Ba thì thấy:

[2.1] Theo nội dung giấy mượn tiền đề ngày 18 và ngày 22 hoàn toàn không có chữ ký xác nhận của bà Diễm, chỉ có bà Huỳnh Thị Đã (mẹ ruột của bà Diễm) là người viết và nhận tiền thay con gái. Nội dung giấy mượn tiền cũng không có thỏa thuận về thời gian trả nợ là 03 tháng như bà Ba trình bày. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung các tin nhắn của bà Diễm gửi cho bà Ba vào các ngày 11/11/2022 và 17/11/2022 thể hiện rõ việc tính từ thời điểm nhận nợ là tháng 4/2022 đến thời điểm bà Diễm nhắn tin xin bà Ba vì khó khăn kinh doanh nên chưa trả được nợ là tháng l1/2022 đã là 07 tháng, chứng cứ này cũng thể hiện việc bà Diễm là người mượn tiền của bà Ba chứ không phải bà Huỳnh Thị Đã.

Từ đó có đủ cơ sở xác nhận Giấy mượn tiền ngày 22/4/2022 thể hiện giữa bà Ba và bà Diễm có xác lập giao dịch vay số tiền 700.000.000 đồng vào các ngày 18/4/2022 và 22/4/2022. Các bên không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất nên xác định giao dịch dân sự giữa bà Ba và bà Diễm là hợp đồng vay tài sản không lãi, không kỳ hạn quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Xét thấy, quá trình thực hiện giao dịch vay tiền trên, bà Diễm đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà Ba về việc hoàn trả số tiền gốc 700.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu lãi chậm thanh toán từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử với mức lãi suất bà Ba yêu cầu là 10%/năm thì thấy: Tại Giấy mượn tiền ngày 22/4/2022 các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy dịnh tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*

hoặc luật có quy định khác". Do đó, mức yêu cầu tính lãi là 10%/năm trên số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng kể từ ngày khởi kiện (ngày 17/11/2022) cho đến thời điểm xét xử (ngày 28/4/2023), tổng cộng là 05 tháng 11 ngày, tương ứng số tiền lãi là 31.305.549 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ba, buộc bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải thanh toán cho bà Ba số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ khi khởi kiện đến ngày Toà án xét xử là 31.305.549 đồng. Tuyên buộc bà Diễm phải thanh toán tổng số tiền nợ cho bà Ba là 731.305.549 đồng.

[2.4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Huỳnh Thy Diễm. Giữ nguyên bản án dân sự số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[3| Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.252.000 đồng.

- Bà Huỳnh Thị Ba không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 7.300.000đồng (bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009001 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Lâm Đăng Khoa chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000363 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Huỳnh Thy Diễm;

Giữ nguyên bản án dân sự số 35/2023/DS-ST ngày 284/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào: các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ba đối với bà Trần Huỳnh Thy Diễm về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xử:

1. Buộc bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải trả cho bà Huỳnh Thị Ba số tiền 731.305.549 đồng (Bảy trăm ba mươi mốt triệu, ba trăm lẽ năm nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng); trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 31.305.549 đồng (tạm tính đến ngày 28/4/2022). Bà Diễm còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho bà Huỳnh Thị Ba từ ngày 29/4/2023 cho đến khi

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 32.252.000 đồng, bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải chịu.

+ Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ba số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0006934 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Trần Huỳnh Thy Diễm phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0007706 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn

Trương Chí Trung **Vũ Việt Dũng** **Trần Hoài Sơn**